

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ (APP) (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Ngọc Toàn
Ông Nguyễn Trường Sơn
Ông Trần Công Thành
Ông Phạm Thanh Đông
Ông Phan Thanh Hùng
Ông Hoàng Trung Dũng
Ông Hoàng Bình Dương
Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 8 năm 2024)
Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 8 năm 2024)
Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 8 năm 2024)
Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 8 năm 2024)
Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 8 năm 2024)
Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 8 năm 2024)
Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 8 năm 2024)
Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 8 năm 2024)

Ban Tổng giám đốc:

Ông Trần Công Thành
Ông Nguyễn Xuân Sơn
Ông Hoàng Trung Dũng
Ông Hoàng Bình Dương
Ông Nguyễn Duy Kiên

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 8 năm 2024)
Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 09 tháng 12 năm 2024)
Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 8 năm 2024)
Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 8 năm 2024)
Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 8 năm 2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

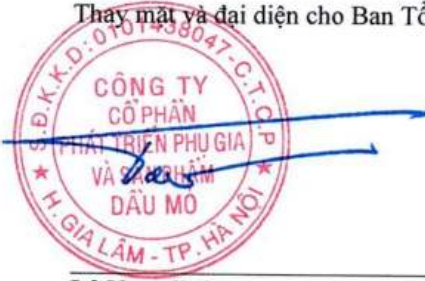
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Ngọc Toàn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
PHỤ GIA VÀ
SẢN PHẨM
DẦU MỠ**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ
SẢN PHẨM DẦU MỠ
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ
NỘI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN
PHẨM DẦU MỠ,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0101438047
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025.05.15
21:08:32
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2025.1.0

Số: 208 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 5 năm 2025, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đã thực hiện đối chiếu số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2024, tuy nhiên, chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận khoản công nợ phải thu khách hàng với số tiền là 1.771.304.448 VND (tương ứng 8% số dư). Các thủ tục kiểm toán thay thế đã được thực hiện nhưng chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp, do đó chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu, phải trả cũng như ảnh hưởng của vấn đề này và các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đến các chỉ tiêu liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của các Công ty liên doanh, liên kết cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được tính hiện hữu, giá trị và đầy đủ của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của các Công ty liên doanh, liên kết cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này đến chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty với giá trị khoảng 7,3 tỷ VND.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Xăng dầu APP 1 Thanh Hóa và Công ty TNHH Bắc Hương chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả và đánh giá dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Các thủ tục soát xét báo cáo tài chính cho mục đích kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đã được thực hiện nhưng chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp; do đó, chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu, giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đến các chỉ tiêu liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của các Công ty liên doanh, liên kết cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này đến chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty với giá trị khoảng 6,8 tỷ VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 35 - Thông tin khác phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất; tại đó, Công ty trình bày thông tin về việc chưa phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021, về thanh lý tài sản, hàng tồn kho và giao dịch góp vốn vào công ty khác. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất lần đầu tại ngày 18 tháng 10 năm 2024 - ngày thành lập công ty con, theo đó, số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Phát triển phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ đã được kiểm toán. Thông tin so sánh chỉ cho mục đích tham khảo (như trình bày tại Thuyết minh số 01 - Thông tin khái quát và Thuyết minh số 02 - Năm tài chính, Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán áp dụng tại phần Thuyết báo cáo tài chính hợp nhất).



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025



Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3652-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.895.430.663	52.945.009.132
I. Tiền	110	4	4.332.069.797	3.789.901.208
1. Tiền	111		4.332.069.797	3.789.901.208
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.846.905.614	18.919.839.307
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	22.545.824.977	18.945.093.095
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	650.016.494	1.142.567.935
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	450.531.222	4.195.889.100
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(6.808.323.789)	(5.372.567.533)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		8.856.710	8.856.710
IV. Hàng tồn kho	140	9	13.834.926.639	25.736.236.408
1. Hàng tồn kho	141		13.834.926.639	26.417.694.933
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(681.458.525)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		881.528.613	1.499.032.209
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	141.639.490	583.890.594
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		525.083.562	694.946.931
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	214.805.561	220.194.684
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.988.406.924	28.929.817.916
I. Tài sản cố định	220		3.946.963.821	11.692.795.640
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.946.963.821	11.692.795.640
- Nguyên giá	222		37.139.237.744	56.049.822.773
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.192.273.923)	(44.357.027.133)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		2.910.231.420	2.910.231.420
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.910.231.420)	(2.910.231.420)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		430.780.835	430.780.835
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	430.780.835	430.780.835
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	14.092.054.084	14.831.618.219
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.092.054.084	15.200.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(368.381.781)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.518.608.184	1.974.623.222
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.518.608.184	1.974.623.222
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		55.883.837.587	81.874.827.048

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		16.639.907.653	36.241.135.357
I. Nợ ngắn hạn	310		16.639.907.653	36.241.135.357
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.213.756.175	2.451.048.844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27.867.314	638.049.301
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	891.923.224	306.979.205
4. Phải trả người lao động	314		317.845.957	17.860.711
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	220.201.667	60.704.940
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	347.417.655	330.734.957
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	13.607.282.845	32.422.144.583
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.612.816	13.612.816
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.243.929.934	45.633.691.691
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	38.607.570.896	44.997.332.653
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.246.320.000	47.246.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.246.320.000	47.246.320.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(20.000.000)	(20.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		78.624.445	78.624.445
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.697.373.549)	(2.307.611.792)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.813.516.881)	2.194.538.025
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(5.883.856.668)	(4.502.149.817)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		636.359.038	636.359.038
1. Nguồn kinh phí	431		(28.263.460)	(28.263.460)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		664.622.498	664.622.498
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		55.883.837.587	81.874.827.048



Lê Ngọc Toàn
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

Đặng Thị Tuyết Minh
 Kế toán trưởng

Đặng Thị Tuyết Minh
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	210.584.131.267	201.467.597.569
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	41.985.984	643.652.466
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	210.542.145.283	200.823.945.103
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	23	194.942.838.079	184.099.712.794
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		15.599.307.204	16.724.232.309
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	93.247.670	170.924.294
7. Chi phí tài chính	22	25	1.709.622.636	2.284.446.027
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.637.724.827	2.175.287.730
8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(233.659.046)	-
9. Chi phí bán hàng	25	26	9.289.075.364	10.065.721.521
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	10.231.669.511	9.058.330.540
11. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(5.771.471.683)	(4.513.341.485)
12. Thu nhập khác	31	28	1.000.691.559	48.354.607
13. Chi phí khác	32	29	806.333.842	37.162.939
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		194.357.717	11.191.668
15. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(5.577.113.966)	(4.502.149.817)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	306.742.702	-
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(5.883.856.668)	(4.502.149.817)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	(1.245)	(953)



Lê Ngọc Toàn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

Đặng Thị Tuyết Minh
Kế toán trưởng

Đặng Thị Tuyết Minh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(5.577.113.966)	(4.502.149.817)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.933.535.855	3.060.439.789
- Các khoản dự phòng	03	754.297.731	121.693.695
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(68.008)	4.299
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(839.489.542)	(159.813.636)
- Chi phí lãi vay	06	1.637.724.827	2.175.287.730
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.091.113.103)	695.462.060
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.031.295.591	1.155.116.776
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12.584.768.294	3.667.816.596
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.021.862.690)	(1.036.060.467)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	898.266.142	39.575.617
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.444.228.100)	(2.187.331.944)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(306.742.702)	(114.658.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.650.383.432	2.219.920.568
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.880.243.434)	(2.191.732.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	4.494.432.366	236.363.636
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	92.389.955	169.996.455
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.706.578.887	(1.785.372.273)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	203.009.427.221	169.229.503.112
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(221.824.288.959)	(167.409.811.280)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.814.861.738)	1.819.691.832
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	542.100.581	2.254.240.127
Tiền đầu năm	60	3.789.901.208	1.535.665.380
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	68.008	(4.299)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4.332.069.797	3.789.901.208



Lê Ngọc Toàn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

Đặng Thị Tuyết Minh
Kế toán trưởng

Đặng Thị Tuyết Minh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập ngày 28 tháng 8 năm 1996, theo Quyết định số 2365/QĐ-TCCB của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở tách Trung tâm Phụ gia Dầu mỏ từ Viện Hoá học Công nghiệp Việt Nam. Đến ngày 19 tháng 8 năm 2003, Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 133/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103003456 cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 30 tháng 8 năm 2024.

Tại ngày 05 tháng 7 năm 2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 453/QĐ-SGDHN quyết định hủy niêm yết của Công ty. Theo Thông báo số 2419/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 26 tháng 7 năm 2022, Công ty sẽ giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM) với ngày giao dịch đầu tiên là ngày 03 tháng 8 năm 2022.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 34 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 71 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh và cho thuê kho bãi chứa dung môi, dầu gốc, xăng dầu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ nhận ủy thác và tạm nhập tái xuất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Kinh doanh ô tô (loại trừ hoạt động đầu giá);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh thiết bị máy móc;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực hóa dầu; Dịch vụ quan trắc môi trường; Tư vấn môi trường;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển khách hàng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng/khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản dầu phanh và các chất lỏng thủy lực; Các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, hóa chất, các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ cho công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng; Kinh doanh xăng dầu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản dầu phanh và các chất lỏng thủy lực; Các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, hóa chất, các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ cho công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại và không độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Thu gom rác thải độc hại và không độc hại; Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng/khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản dầu phanh và các chất lỏng thủy lực; Các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, hóa chất, các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ cho công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng; Kinh doanh xăng dầu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản dầu phanh và các chất lỏng thủy lực; Các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, hóa chất, các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ cho công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách công ty con được hợp nhất:

Đơn vị	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động
Công ty TNHH MTV APL	Hà Nội	100%	100%	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

Danh sách các công ty liên kết:

Đơn vị	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động
1. Công ty Cổ phần Xăng dầu APP 1 Thanh Hóa	Thanh Hóa	27,59%	27,59%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
2. Công ty TNHH Bắc Hương	Sơn La	40,00%	40,00%	Kinh doanh xăng dầu thương mại, xây dựng và nhà hàng

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thái Nguyên Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ	Thôn 2, Xã Phú Tiến, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh tại Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ	506/11/19 đường Nguyễn Ảnh Thủ, Khu phố 4, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hưng Yên Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ	Thôn Tiên Xá II, Xã Cẩm Xá, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Phát triển phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ đã được kiểm toán. Theo đó, thông tin so sánh chỉ cho mục đích tham khảo không đảm bảo mục tiêu so sánh theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Công ty TNHH MTV APL - Công ty con của Công ty được thành lập vào ngày 18 tháng 10 năm 2024. Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là báo cáo tài chính hợp nhất lần đầu.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 10 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 của Luật Kế toán về Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chi phí chuyển giao công nghệ.

Nguyên giá của chi phí chuyển giao công nghệ được mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại, khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước bao gồm: Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, bảo hiểm cháy nổ, chi phí quyền thuê đất, khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chi phí trả trước là bảo hiểm cháy nổ phát sinh một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ 12 tháng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước là công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động phát sinh một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ không quá 36 tháng

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định hợp nhất biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh các sản phẩm xăng dầu. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Công ty Cổ phần Xăng dầu APP 1 Thanh Hóa

Công ty TNHH Bắc Hương

Công ty Cổ phần Dầu nhờn APP

Mối quan hệ

Lãnh đạo chủ chốt

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Có cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt là Ông Lê Ngọc Toàn

Các giao dịch góp vốn quan trọng trong năm:

Trong năm, Công ty dùng các tài sản là nhà cửa vật kiến trúc, hệ thống tường rào,... và chi phí quyền sử dụng đất thành lập Công ty TNHH MTV APL theo Nghị quyết số 0112/2024/QĐ/HĐQT ngày 03 tháng 12 năm 2024 và theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 0212/2024/HĐQT - APP ngày 01 tháng 12 năm 2024. Theo Chứng thư thẩm định giá số 099/2024/84/074/VIV-BTN-CT ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Công ty Cổ phần Định giá và Đầu tư Việt - Chi nhánh VIV Bắc Trung Nam, giá trị các tài sản và chi phí quyền sử dụng đất lần lượt là 4.042.645.000 VND và 990.477.718 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	91.819.932	464.883.573
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.240.249.865	3.325.017.635
Cộng	4.332.069.797	3.789.901.208

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	14.444.619.531	17.047.467.023
Công ty Cổ phần Vijasun (i)	1.729.596.287	1.729.596.287
Công ty Cổ phần Dịch vụ môi trường Thăng Long (ii)	914.947.440	914.947.440
Công ty TNHH Sản xuất Lê Phan Gia Bình Dương	1.098.313.700	930.992.250
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	684.750.000	220.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Phúc Minh (iii)	495.335.974	495.335.974
Các đối tượng khác	9.521.676.130	12.756.595.072
b) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là bên liên quan	8.101.205.446	1.897.626.072
Công ty TNHH Bắc Hương	1.632.626.072	1.897.626.072
Công ty Cổ phần Dầu nhờn APP (iv)	6.468.579.374	-
Cộng	22.545.824.977	18.945.093.095

Ghi chú:

- (i) Liên quan đến tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vijasun, theo Quyết định số 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2023, tranh chấp được đưa ra xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, theo Quyết định số 01/2021/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2023 thì phiên toà bị hoãn và đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được thêm thông báo chính thức của Toà án. Công ty đã trích lập dự phòng khoản phải thu này với số tiền là 864.798.144 VND tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- (ii) Theo Bản án số 14/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán giữa Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ môi trường Thăng Long. Theo đó, Công ty Cổ phần Dịch vụ môi trường Thăng Long phải trả cho Công ty toàn bộ nợ gốc là 914.947.440 VND và lãi chậm trả là 102.506.077 VND. Tuy nhiên, đối tác này vắng mặt tại phiên toà và hiện chưa thanh toán công nợ phải trả cho Công ty. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính chính hợp nhất này, Công ty chưa thu được tiền từ Công ty Cổ phần Dịch vụ môi trường Thăng Long. Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản phải thu này.
- (iii) Liên quan đến tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Phúc Minh. Theo Quyết định Thi hành án số 06/QĐ-CCTHADS ngày 13 tháng 5 năm 2024, Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Phúc Minh phải trả Công ty số tiền nợ gốc là 495.335.974 VND và nợ lãi chậm trả là 46.154.865 VND. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Phúc Minh vẫn chưa thanh toán công nợ cho Công ty. Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản phải thu này.
- (iv) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Dầu nhờn APP là khoản Công ty bán thanh lý tài sản cố định và hàng tồn kho với số tiền lần lượt là 4.907.257.100 VND và 1.561.322.274 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH DV Thu nợ TAIGA	180.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Chi	87.370.000	87.370.000
Công ty Cổ phần Sam Chem Quả Cầu	70.070.000	-
Lưu Quang Hiếu	-	350.000.000
Công ty TNHH Thiết bị máy móc Thiên An	-	324.000.000
Đối tượng khác	312.576.494	381.197.935
Cộng	650.016.494	1.142.567.935

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	405.664.245	-	3.827.870.759	-
Phải thu thuế TNCN	-	-	195.566.356	-
Phải thu khác	44.866.977	-	172.451.985	-
Cộng	450.531.222	-	4.195.889.100	-

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vijasun	1.729.596.287	518.878.886	1.729.596.287	864.798.143
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Thăng Long	914.947.440	274.484.232	-	-
Công ty TNHH Thiên Tuyền	631.680.000	250.840.000	631.680.000	250.840.000
Công ty TNHH Dầu khí Thiên Nga	583.982.386	-	583.982.386	-
Công ty TNHH Cơ khí và Vận tải An Huy	300.851.517	-	300.851.517	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Nguyễn Gia Khôi	252.380.054	-	252.380.054	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại và Dịch vụ Bình Phương	246.759.810	-	246.759.810	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Chung	233.530.182	-	233.530.182	-
Doanh nghiệp tư nhân thủy sản Nguyễn Phát	200.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	6.865.707.355	4.106.908.124	4.449.304.317	1.939.878.877
Cộng	11.959.435.031	5.151.111.242	8.428.084.553	3.055.517.020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.851.901.181	-	14.273.437.825	-
Công cụ, dụng cụ	190.847.719	-	252.453.962	-
Thành phẩm	7.386.523.835	-	8.837.424.835	(681.458.525)
Hàng hoá	405.653.904	-	3.054.378.311	-
Cộng	13.834.926.639	-	26.417.694.933	(681.458.525)

Trong năm, Công ty bán cho Công ty Cổ phần Dầu nhờn APP một số mặt hàng đã được trích lập dự phòng, giảm giá hàng tồn kho, theo đó giá trị trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng đã được hoàn nhập dự phòng trong năm.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	141.639.490	583.890.594
Chi phí bảo hiểm	25.972.388	135.511.077
Chi phí trả trước khác	115.667.102	448.379.517
b) Dài hạn	1.518.608.184	1.974.623.222
Chi phí quyền sử dụng đất (i)	1.055.541.440	1.093.239.356
Chi phí trả trước khác	463.066.744	881.383.866
Cộng	1.660.247.674	2.558.513.816

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất tại 6.500m² đất tại lô NM2, Khu Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2003.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số đầu năm	10.461.594.073	23.557.809.022	16.482.837.846	5.124.170.013	423.411.819	56.049.822.773	
Tăng trong năm	-	512.000.000	2.696.388.889	-	36.745.454	3.245.134.343	
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.527.459.827)	(13.576.959.545)	-	(51.300.000)	(22.155.719.372)	
Số cuối năm	10.461.594.073	15.542.349.195	5.602.267.190	5.124.170.013	408.857.273	37.139.237.744	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số đầu năm	10.265.134.854	21.727.775.980	7.374.061.516	4.663.208.749	326.846.034	44.357.027.133	
Khấu hao trong năm	78.583.692	1.124.466.740	1.607.757.609	61.000.008	61.727.806	2.933.535.855	
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.833.550.679)	(6.213.438.386)	-	(51.300.000)	(14.098.289.065)	
Số cuối năm	10.343.718.546	15.018.692.041	2.768.380.739	4.724.208.757	337.273.840	33.192.273.923	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số đầu năm	196.459.219	1.830.033.042	9.108.776.330	460.961.264	96.565.785	11.692.795.640	
Số cuối năm	117.875.527	523.657.154	2.833.886.451	399.961.256	71.583.433	3.946.963.821	

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 30.317.954.794 VND (tại 31 tháng 12 năm 2023 là 31.762.423.455 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chi phí chuyển giao công nghệ	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	2.910.231.420	2.910.231.420
Số cuối năm	2.910.231.420	2.910.231.420
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	2.910.231.420	2.910.231.420
Số cuối năm	2.910.231.420	2.910.231.420
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.910.231.420 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.910.231.420 VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án Phú Bình - Thái Nguyên	430.780.835	430.780.835
Cộng	430.780.835	430.780.835

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
Công ty TNHH Bắc Hương (i)	11.200.000.000	(368.381.781)
Công ty Cổ phần Xăng dầu APP 1 Thanh Hóa	4.000.000.000	-
Cộng	15.200.000.000	(368.381.781)
	Số cuối năm	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
Công ty TNHH Bắc Hương (i)	11.200.000.000	10.120.137.445
Công ty Cổ phần Xăng dầu APP 1 Thanh Hóa	4.000.000.000	3.971.916.639
Cộng	15.200.000.000	14.092.054.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31/12/2024, tỷ lệ biểu quyết của Công ty vào Công ty TNHH Bắc Hương là 40% (tương ứng vốn góp thực tế là 11.200.000.000 VND/Vốn điều lệ là 28.000.000.000 VND. Tỷ lệ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ cam kết góp vốn ban đầu, các cổ đông khác chưa góp đủ vốn và chưa có thỏa thuận nào khác với cam kết.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty TNHH Bắc Hương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500363508 ngày 26 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Công ty đã có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 21 tháng 11 năm 2019 thì vốn điều lệ của Công ty là 28.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ đồng chẵn). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, lỗ lũy kế và vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt là (2.669.656.388) VND và 15.774.038.612 VND.

Công ty Cổ phần Xăng dầu APP 1 Thanh Hóa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 2802759331 ngày 10 tháng 7 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 14.500.000.000 VND (Bằng chữ: Mười bốn tỷ năm trăm triệu đồng chẵn). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, lỗ lũy kế và vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt là (101.802.182) VND và 14.398.197.818 VND.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Hóa chất Mê Kông	458.876.880	458.876.880	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại nhựa Nam Hải	287.707.464	287.707.464	544.106.851	544.106.851
Công ty Cổ phần Cảng Cửa cấm Hải Phòng	215.325.000	215.325.000	228.506.400	228.506.400
Công ty TNHH Hoàng Hà	-	-	358.578.621	358.578.621
Các đối tượng khác	251.846.831	251.846.831	1.319.856.972	1.319.856.972
Cộng	1.213.756.175	1.213.756.175	2.451.048.844	2.451.048.844

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	8.763.430	99.050.598	93.661.475	3.374.307
Thuế thu nhập doanh nghiệp	211.431.254	306.742.702	306.742.702	211.431.254
Cộng	220.194.684	405.793.300	400.404.177	214.805.561
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	268.402.349	4.746.362.970	4.152.721.547	862.043.772
Thuế bảo vệ môi trường	38.576.856	413.943.648	422.641.052	29.879.452
Các loại thuế khác	-	7.500.000	7.500.000	-
Cộng	306.979.205	5.167.806.618	4.582.862.599	891.923.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	220.201.667	24.704.940
Chi phí khác	-	36.000.000
Cộng	220.201.667	60.704.940

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	22.012.752	22.012.752
Kinh phí công đoàn	17.089.393	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	297.095.510	297.502.205
Các đối tượng khác	11.220.000	11.220.000
Cộng	347.417.655	330.734.957

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	13.607.282.845	13.607.282.845	222.224.288.959	203.409.427.221	32.422.144.583	32.422.144.583
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Đông	-	-	193.428.585.298	162.579.539.113	30.849.046.185	30.849.046.185
Ông Nguyễn Văn Hạp (i)	8.125.287.310	8.125.287.310	28.795.703.661	35.347.892.573	1.573.098.398	1.573.098.398
Ông Đặng Hồng Đức (ii)	5.481.995.535	5.481.995.535	-	5.481.995.535	-	-
Cộng	13.607.282.845	13.607.282.845	222.224.288.959	203.409.427.221	32.422.144.583	32.422.144.583

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng vay số 2810/2024/HĐVT ngày 28 tháng 10 năm 2024 giữa Công ty với Ông Nguyễn Văn Hạp: gốc vay là 22.000.000.000 VND, lãi suất 7%/năm, thời hạn 12 tháng từ ngày 28 tháng 10 năm 2024 đến ngày 28 tháng 10 năm 2025, mục đích vay là trả nợ gốc tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Đông, khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Hợp đồng vay số 2011/2024/HĐVT ngày 20 tháng 12 năm 2024 giữa Công ty với Ông Đặng Hồng Đức: gốc vay là 5.481.995.535 VND, lãi suất 7%/năm, thời hạn vay đến ngày 20 tháng 4 năm 2025, mục đích vay để trả gốc vay cho Ông Nguyễn Văn Hạp, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND		VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	47.246.320.000	(20.000.000)	78.624.445	2.194.538.025	49.499.482.470
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	(4.502.149.817)	(4.502.149.817)
Số dư đầu năm nay	47.246.320.000	(20.000.000)	78.624.445	(2.307.611.792)	44.997.332.653
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	(5.883.856.668)	(5.883.856.668)
Tăng/(Giảm) do hợp nhất lần đầu các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ	-	-	-	(505.905.089)	(505.905.089)
Số dư cuối năm nay	47.246.320.000	(20.000.000)	78.624.445	(8.697.373.549)	38.607.570.896

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Vốn góp đầu năm	47.246.320.000	47.246.320.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	47.246.320.000	47.246.320.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.724.632	4.724.632
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.724.632	4.724.632
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.724.632	4.724.632
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.724.632	4.724.632
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.724.632	4.724.632
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại (USD)	667,44	693,84

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.584.131.267	201.467.597.569
Doanh thu bán hàng	162.839.132.919	151.688.000.572
Doanh thu bán thành phẩm	47.744.998.348	49.779.596.997
Các khoản giảm trừ doanh thu	41.985.984	643.652.466
Chiết khấu thương mại	41.985.984	177.431.518
Hàng bán bị trả lại	-	466.220.948
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.542.145.283	200.823.945.103

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	160.218.322.331	146.083.739.256
Giá vốn của thành phẩm đã bán	34.043.057.223	38.015.973.538
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	681.458.525	-
Cộng	194.942.838.079	184.099.712.794

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	92.389.955	169.996.455
Lãi chênh lệch tỷ giá	857.715	927.839
Cộng	93.247.670	170.924.294

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.637.724.827	2.175.287.730
Lỗ chênh lệch tỷ giá	71.897.809	109.158.297
Cộng	1.709.622.636	2.284.446.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	10.231.669.511	9.058.330.540
Chi phí nhân viên	4.131.043.120	3.567.520.393
Chi phí khấu hao TSCĐ	339.084.449	341.106.051
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng	1.435.756.256	121.693.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.915.977.712	2.169.530.056
Chi phí bằng tiền khác	2.409.807.974	2.858.480.345
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	9.289.075.364	10.065.721.521
Chi phí nhân viên	2.433.740.761	2.694.925.579
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.540.695.804	1.680.378.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	518.027.907	714.568.011
Chi phí bằng tiền khác	4.796.610.892	4.975.849.544
Cộng	19.520.744.875	19.124.052.061

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.796.303.173	34.912.894.506
Chi phí nhân công	7.645.786.819	7.301.750.017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.933.535.855	3.060.439.789
Chi phí dự phòng	1.435.756.256	121.693.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.147.386.458	2.982.156.353
Chi phí khác bằng tiền	7.558.882.936	8.828.654.091
Cộng	54.517.651.497	57.207.588.451

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.000.350.349	-
Thu nhập khác	341.210	48.354.607
Cộng	1.000.691.559	48.354.607

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiêu hủy vật tư	572.975.859	-
Thanh lý TSCĐ	19.591.716	10.182.819
Chi phí khác	213.766.267	26.980.120
Cộng	806.333.842	37.162.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.577.113.966)	(4.502.149.817)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	940.504.108	357.517.252
Cộng: Chi phí không được trừ	940.440.399	357.751.919
Cộng: Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá số dư tiền mặt năm nay	68.008	4.299
Trừ: (Lỗ) chênh lệch tỷ giá đánh giá số dư tiền mặt năm trước	(4.299)	(238.966)
Thu nhập chịu thuế	(4.636.609.858)	(4.144.632.565)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	306.742.702	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung (i)	306.742.702	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>306.742.702</u>	<u>-</u>

Ghi chú:

- (i) Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 phải nộp bổ sung do Công ty tự xác định Công ty không đủ điều kiện được miễn giảm thuế theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021.

Trong năm, ngoài khoản chi phí không được trừ nêu trên, Công ty đánh giá không có khoản chi phí không được trừ khác cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

31. LÃI/ (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.883.856.668)	(4.502.149.817)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	(5.883.856.668)	(4.502.149.817)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi, lỗ trên cổ phiếu	4.724.632	4.724.632
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(1.245)</u>	<u>(953)</u>

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu năm nay chưa bao gồm trích quỹ khen thưởng năm nay do chưa có kế hoạch trích.

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty áp dụng trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo địa lý vùng lãnh thổ tại Việt Nam và nước ngoài. Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam, không phát sinh tại nước ngoài. Theo đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các Thuyết minh số 5, Công ty có các giao dịch trọng yếu sau với bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>Bán hàng hóa, nguyên liệu và cung cấp dịch vụ</i>	<i>6.520.734.208</i>	<i>7.603.437.463</i>
Công ty Cổ phần Xăng dầu APP 1 Thanh Hóa	5.101.350.325	7.603.437.463
Công ty Cổ phần Dầu nhờn APP	1.419.383.883	-
<i>Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>5.261.592.734</i>	<i>8.482.000.000</i>
Công ty TNHH Bắc Hương	265.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu APP 1 Thanh Hóa	4.996.592.734	7.982.000.000
<i>Thanh lý TSCĐ</i>	<i>4.543.756.574</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Dầu nhờn APP	4.543.756.574	-

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 12/8/2024)	42.000.000	74.000.000
Ông Phan Thanh Hùng	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 12/8/2024)	35.000.000	62.000.000
Ông Hoàng Trung Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị, kiêm Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 12/8/2024)	428.336.364	583.350.000
Ông Hoàng Bình Dương	Thành viên Hội đồng Quản trị, kiêm Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 12/8/2024)	31.500.000	169.395.127
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 12/8/2024)	31.500.000	56.000.000
Ông Nguyễn Duy Kiên	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 12/8/2024)	197.181.600	207.160.000
Đào Thanh Hà	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 12/8/2024)	31.500.000	56.000.000
Nguyễn Hải Hà	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 12/8/2024)	21.000.000	38.000.000
Đoàn Văn Kiến	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 24/9/2024)	120.479.421	21.000.000
Đặng Thị Tuyết Minh	Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm từ ngày 24/9/2024)	28.900.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	13.607.282.845	32.422.144.583
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(4.332.069.797)	(3.789.901.208)
Nợ thuần	9.275.213.048	28.632.243.375
Vốn chủ sở hữu	38.607.570.896	44.997.332.653
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	24,02%	63,63%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.332.069.797	3.789.901.208
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.188.032.410	17.768.414.662
Đầu tư tài chính	14.092.054.084	18.200.000.000
Cộng	34.612.156.291	39.758.315.870
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	13.607.282.845	32.422.144.583
Phải trả người bán và phải trả khác	1.561.173.830	2.781.783.801
Chi phí phải trả	220.201.667	60.704.940
Cộng	15.388.658.342	35.264.633.324

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.332.069.797	-	4.332.069.797
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.188.032.410	-	16.188.032.410
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.092.054.084	-	14.092.054.084
Cộng	34.612.156.291	-	34.612.156.291
Số cuối năm			
Các khoản vay	13.607.282.845	-	13.607.282.845
Phải trả người bán và phải trả khác	1.561.173.830	-	1.561.173.830
Chi phí phải trả	220.201.667	-	220.201.667
Cộng	15.388.658.342	-	15.388.658.342
Chênh lệch thanh khoản thuần	19.223.497.949	-	19.223.497.949
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.789.901.208	-	3.789.901.208
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.768.414.662	-	17.768.414.662
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.200.000.000	-	18.200.000.000
Cộng	39.758.315.870	-	39.758.315.870
Số đầu năm			
Các khoản vay	32.422.144.583	-	32.422.144.583
Phải trả người bán và phải trả khác	2.781.783.801	-	2.781.783.801
Chi phí phải trả	60.704.940	-	60.704.940
Cộng	35.264.633.324	-	35.264.633.324
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.493.682.546	-	4.493.682.546

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền là 1.417.389.600 VND từ lợi nhuận năm 2021. Theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán, Công ty không đủ điều kiện phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức nên Công ty chưa thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu nêu trên. Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty chưa có các Nghị quyết, Biên bản họp tại các kỳ Đại hội cổ đông thường niên/bất thường để điều chỉnh, xử lý phương án phát hành cổ phiếu này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03 - Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã sử dụng Lợi thế quyền thuê đất và các tài sản trên đất gồm: Nhà xưởng, Nhà làm việc trong xưởng, Nhà kho sản phẩm, Nhà nổi hơi, Nhà Văn phòng, Nhà khách, Nhà thường trực hàng rào và Hệ thống sân bãi trên diện tích đất 6.500m² tại lô NM2 địa chỉ KCN tập Trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội để góp vốn thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV APL. Ngày 04 tháng 12 năm 2024, Công ty đã bàn giao các tài sản này cho Công ty con trông coi và quản lý theo Biên bản bàn giao tài sản ngày 04 tháng 12 năm 2024. Công ty chuyển giao Lợi thế quyền thuê đất, không chuyển giao Quyền sử dụng đất tại diện tích đất nêu trên.

Trong năm, thực hiện phương án tái cơ cấu, cấu trúc lại; theo Nghị quyết số 1712/2024/NQ/HĐQT-APP ngày 17 tháng 12 năm 2024, Công ty lựa chọn ký kết hợp đồng theo cơ chế giá thỏa thuận trực tiếp phù hợp với thực tế của tài sản, hàng tồn kho không có nhu cầu sử dụng và đã thanh lý một số tài sản cố định cho Công ty Cổ phần Dầu nhờn APP với số tiền là 4.907.257.100 VND; ngoài ra, Công ty đã bán một số hàng tồn kho không có nhu cầu sử dụng cho Công ty này với số tiền là 1.561.322.274 VND.

36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1004/2025/NQ/HĐQT-APP ngày 10 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua chủ trương chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Bắc Hương và Công ty Cổ phần Xăng dầu APP 1 Thanh Hóa, theo đó:

- Ngày 11 tháng 4 năm 2025, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 03/2025/HĐCN-BH với Ông Phạm Đàm Quang Anh, theo đó, Công ty chuyển nhượng phần vốn góp 11.200.000.000 VND (chiếm 40% tổng vốn điều lệ) của Công ty TNHH Bắc Hương cho Ông Phạm Đàm Quang Anh với giá trị chuyển nhượng là 11.200.000.000 VND.
- Ngày 09 tháng 4 năm 2025, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 904/2025/HĐCN-APP1 với Công ty Cổ phần AAV Land, theo đó, Công ty chuyển nhượng 400.000 cổ phần (chiếm 11,43% tổng vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Xăng dầu APP 1 Thanh Hóa cho Công ty Cổ phần AAV Land với giá trị chuyển nhượng là 4.000.000.000 VND.

Tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1104/2025/NQ/HĐQT-APP ngày 11 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Xuân Trường. Ngày 09 tháng 4 năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 904/2025/HĐCN-XT với Công ty Cổ phần AAV Land, theo đó, Công ty nhận chuyển nhượng 1.500.000 cổ phần (chiếm 11,11% tổng vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Xuân Trường từ Công ty Cổ phần AAV Land với giá trị chuyển nhượng là 15.000.000.000 VND.



Lê Ngọc Toàn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

Đặng Thị Tuyết Minh
Kế toán trưởng

Đặng Thị Tuyết Minh
Người lập